

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 24-03-2025

V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Hải Ly

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Quý

Ông Phan Tấn Lãm

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Kim Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Thân Thị Hồng Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 08/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 12/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2025; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Dương Thị Trang N**, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn Đ, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

Bị đơn: Ông **Chu Tuấn D**, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn F, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Dương Thị Trang N trình bày:

Bà và ông Chu Tuấn D sống chung với nhau từ năm 2019 và sống chung do hai bên tự nguyện, không ai ép buộc, đến ngày 16 tháng 10 năm 2020 có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, khác biệt về quan điểm sống.

Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân chung sống hạnh phúc không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Chu Tuấn D.

Về nuôi con: Bà và ông D có một người con chung tên Chu Tuấn K, sinh ngày 27 tháng 8 năm 2019. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được giao cháu K cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng do cháu K đang sinh sống cùng ông D từ lúc bà và ông D sống ly thân, đồng thời bà và ông D đã thoả thuận giao cháu K cho ông D nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: bà và ông D tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Chu Tuấn K vắng mặt nên trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đều thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về hướng giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn tự nguyện sống chung với nhau có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, sau đó phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không nói chuyện, chia sẻ được với nhau nên mâu thuẫn càng trầm trọng, hiện nay đã sống ly thân và nguyên đơn có nguyện vọng được ly hôn; Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho nguyên đơn và bị đơn được ly hôn; giao con chung là Chu Tuấn K, sinh ngày 27 tháng 8 năm 2019 cho bị đơn là ông D nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu tòa án giải quyết thì đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng:*

Bà Dương Thị Trang N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Chu Tuấn D, ông D cư trú tại thôn F, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước, do đó xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “ly hôn”, căn cứ vào các Điều 28; 35; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51; 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Dương Thị Trang N có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Chu Tuấn K có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 điều 227 và điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N, ông D.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông D được hình thành trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ vào ngày

16/10/2020. Do đó hôn nhân giữa bà N, ông D là đúng quy định pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của bà N, Hội đồng xét xử thấy: Bà N trình bày trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, vợ chồng không nói chuyện được với nhau, đời sống hôn nhân trở nên căng thẳng, mệt mỏi, không ai quan tâm đến ai. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương nơi ông D, bà N cư trú được biết vợ chồng ông D bà N có xảy ra mâu thuẫn và hiện đã sống ly thân; đại diện thôn F xã Đ nhiều lần tiến hành hòa giải nhưng không có kết quả. Từ những căn cứ trên cho thấy hôn nhân giữa bà N ông D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn bà N.

[2.2] Về con chung: Bà N và ông D có một con chung là Chu Tuấn K, sinh ngày 27/8/2019. Khi ly hôn bà N yêu cầu giao cháu K cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng do cháu K đang sinh sống cùng ông D từ lúc bà và ông D sống ly thân, đồng thời bà và ông D đã thoả thuận giao cháu K cho ông D nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Xét yêu cầu của bà N là phù hợp và đúng quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tại phiên tòa là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; 147; 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 51; 53; 56; 81; 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Trang N.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Trang N được ly hôn ông Chu Tuấn D.

2/ Về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Giao cho ông Chu Tuấn D trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Chu Tuấn K, sinh ngày 27/8/2019 cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của luật này; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Về tài sản chung: Các đương sự không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

4/ Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Dương Thị Trang N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008403 ngày 13 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

5/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- THADS huyện Bù Gia Mập;
- Các đương sự;
- UBND xã Đăk O;
- UBND xã Bù Gia Mập;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Hải Ly